

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải số 994/2003/QĐ-BGTVT
ngày 09/4/2003 về vùng nước các
cảng biển thuộc địa phận thành
phố Hải Phòng và khu vực trách
nhiệm của Cảng vụ Hải Phòng.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

*Căn cứ Điều 58 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam
ngày 30 tháng 6 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3
năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn,
trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức
bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố
Hải Phòng tại Công văn số 3399/CV-UB ngày 22
tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế - vận
tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố vùng nước các cảng biển
thuộc địa phận thành phố Hải Phòng bao gồm:

1. Vùng nước trước các cầu cảng: Hải Phòng,
Vật Cách, Đoạn Xá, Chùa Vẽ, Lilama, Thăng
Long Gas, Thượng Lý, Cá Hạ Long, Đài Hải,
Hồng Hà, Cửa Cấm, Thủy Sản II, Transvina,
Bảo đảm hàng hải (Shell Gas), Total Gas, Đông
Hải, Năng lượng, 128, Biên phòng, Petec - An
Hải, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, Caltex, Nhà
máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Nhà máy Sửa
chữa tàu biển Nam Triệu, Nhà máy Cơ khí Hạ
Long.

2. Vùng nước các tuyến luồng hàng hải, vùng
neo đậu, chuyển tải, tránh bão thuộc các cảng quy

định tại khoản 1 Điều này và khu vực neo đậu,
chuyển tải sông Bạch Đằng, sông Cấm, vịnh Lan
Hạ, vịnh Cát Bà.

3. Vùng nước trước cầu cảng và khu vực neo
đậu, chuyển tải, tránh bão khác sẽ được công bố
theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển
thuộc địa phận thành phố Hải Phòng tính theo
mực nước thủy triều lớn nhất được quy định như
sau:

1. Ranh giới về phía biển: Được giới hạn bởi
các đường thẳng nối các điểm có tọa độ sau đây:

A1. 20°49',2 N; 106°48',5 E (phía Đông bán đảo
Đình Vũ);

A2. 20°37',2 N; 106°48',7 E (phía Đông Nam đảo
Hòn Dấu);

A3. 20°40',0 N; 107°00',0E;

A4. 20°40',0 N; 107°06',8 E;

A5. 20°46',8 N; 107°06',9 E (hòn Nền Đông);

A6. 20°47',2 N; 107°05',9 E (phía Nam hòn Cồn
Đất Ngoài);

A7. 20°42',7 N; 107°05',2 E (hòn Cồn Bê);

A8. 20°41',8 N; 107°03',9 E (hòn Đuôi Buồm
Đông);

A9. 20°42',5 N; 107°03',5 E (phía Tây Nam hòn
Guốc);

A10. 20°42',7 N; 107°02',9 E (phía Đông Nam
hòn Cặp Bù Dế);

A11. 20°41',4 N; 107°02',5 E (phía Nam hòn
Nén);

A12. 20°42',4 N; 107°01',0 E (phía Tây Nam hòn
Rùa Núi);

A13. 20°47',5 N; 106°55',1 E (phía Tây Bắc bãi
Phù Long).

2. Ranh giới về phía bờ: Được giới hạn như
sau:

- Từ điểm A13 dọc theo bờ bên phải lạch Huyện lên đến vĩ tuyến $20^{\circ}50',0$ N (ngã 3 sông Chanh và lạch Huyện) chạy ngang theo vĩ tuyến này đến bờ trái lạch Huyện, chạy dọc theo bờ này về phía hạ lưu vòng theo bờ phía Nam của huyện Cát Hải đến mỏm phía Tây Nam huyện Cát Hải (giáp với sông Bạch Đằng). Tiếp đó, từ điểm Tây Nam huyện Cát Hải và Điểm A1 chạy dọc theo hai bờ sông Bạch Đằng đến vĩ tuyến $20^{\circ}57',0$ N cắt ngang sông này và từ đó chạy dọc theo hai bờ sông Giá đến cách đập Minh Đức 200 mét. Từ hai điểm mút của cửa sông Cấm chạy dọc theo hai bờ sông đến ranh giới ngang trên sông, cách cảng Vật Cách 200m về phía thượng lưu (ngang thôn An Sơn, xã An Đồng, huyện An Hải).

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải, tránh bão cho tàu thuyền vào các cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng được quy định cụ thể như sau:

1. Vùng đón trả hoa tiêu:

a) Đối với tàu thuyền vào các cảng thuộc địa phận thành phố Hải Phòng: Là vùng nước được giới hạn bởi nửa đường tròn về phía Nam với bán kính 02 hải lý và có tâm tại tọa độ: $20^{\circ}40',0$ N; $106^{\circ}51',0$ E.

b) Đối với tàu thuyền vào các cảng thuộc địa phận thành phố Hải Phòng nhưng phải chuyển tải tại khu vực Hòn Gai và Hạ Long được quy định như sau:

- Cho mọi tàu thuyền khi thời tiết bình thường: Là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn với bán kính 01 hải lý và có tâm tại tọa độ: $20^{\circ}43',4$ N; $107^{\circ}10',3$ E.

- Cho mọi tàu thuyền khi thời tiết xấu: Là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý với tâm tại tọa độ: $20^{\circ}49',0$ N; $107^{\circ}08',1$ E.

- Cho tàu thuyền Việt Nam có trọng tải đến 5.000 DWT: Là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn với bán kính 0,4 hải lý và có tâm tại tọa độ: $20^{\circ}52',5$ N; $107^{\circ}04',9$ E.

2. Vùng kiểm dịch:

a) Đối với tàu thuyền vào các cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng:

- Cho mọi loại tàu thuyền có trọng tải từ 3.000 DWT trở lên: Là khu vực đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Cho tàu thuyền có trọng tải nhỏ hơn 3.000 DWT: Là vùng neo đậu, chuyển tải trên sông Bạch Đằng, do Cảng vụ Hải Phòng chỉ định.

b) Đối với tàu vào các cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng nhưng phải chuyển tải tại khu vực Hòn Gai và Hạ Long: Là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn với bán kính 01 hải lý và có tâm tại tọa độ: $20^{\circ}43',4$ N; $107^{\circ}10',3$ E.

3. Vùng neo đậu, chuyển tải, tránh bão:

a) Khu vực trên sông Bạch Đằng:

- Cho các tàu hàng khô tại các vị trí có tọa độ sau:

NT1. $20^{\circ}47',8$ N; $106^{\circ}50',6$ E.

NT2. $20^{\circ}48',1$ N; $106^{\circ}50',6$ E

BĐ1. $20^{\circ}50',5$ N; $106^{\circ}46',6$ E.

BĐ2. $20^{\circ}50',6$ N; $106^{\circ}46',4$ E.

BĐ3. $20^{\circ}50',9$ N; $106^{\circ}46',0$ E.

BĐ4. $20^{\circ}51',1$ N; $106^{\circ}45',9$ E.

BĐ5. $20^{\circ}51',7$ N; $106^{\circ}45',5$ E.

BĐ6. $20^{\circ}51',9$ N; $106^{\circ}45',4$ E.

BĐ7. $20^{\circ}52',1$ N; $106^{\circ}45',4$ E.

BĐ8. $20^{\circ}52',4$ N; $106^{\circ}45',1$ E.

BĐ9. $20^{\circ}52',6$ N; $106^{\circ}45',1$ E.

- Cho các tàu chở dầu, chở hàng nguy hiểm có trọng tải nhỏ hơn 3.000 DWT được neo đậu, chuyển tải tại vị trí neo BĐ8, BĐ9 nhưng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

b) Khu vực trên sông Cấm:

- Cho các tàu có trọng tải nhỏ hơn 3.000 DWT (trừ tàu xăng dầu, tàu khí hóa lỏng và tàu hóa chất khi chở hàng): Tại bến Bính, bến Lâm do Cảng vụ Hải Phòng chỉ định.

- Cho các tàu chở xăng dầu, chở khí hóa lỏng, chở hóa chất để vào cảng Thượng Lý: Là vùng nước trước thủy điện cảng Thượng Lý do Cảng vụ Hải Phòng chỉ định.

c) Khu vực chuyển tải vịnh Lan Hạ: Cho mọi loại tàu thuyền tại các vị trí có tọa độ sau:

LH1. 20°46',3 N; 107°06', 2 E.

LH2. 20°45',5 N; 107°06', 2 E.

LH3. 20°46', 3 N; 107°06',4 E.

d) Khu vực neo đậu vịnh Cát Bà: Cho tàu khách tại vị trí có tọa độ sau:

CB1. 20°42',2 N; 107°03',1 E

4. Vùng neo đậu, chuyển tải, tránh bão cho các tàu vào cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng nhưng phải neo đậu, chuyển tải, tránh bão tại khu vực Hòn Gai và Hạ Long thuộc vùng nước các cảng biển thuộc tỉnh Quảng Ninh:

a) Cho tàu thuyền chở hàng khô có trọng tải từ 30.000 DWT trở xuống:

HL2. 20°56', 4 N; 107°03', 8 E.

HL3. 20°56', 6 N; 107°03', 8 E.

HL4. 20°56', 8 N; 107°03', 7 E.

HL5. 20°57', 0 N; 107°03', 7 E.

b) Cho tàu thuyền chở hàng khô có trọng tải trên 30.000 DWT với mớn nước trên 9,5 m tại các vị trí có tọa độ:

HL11. 20°51', 6 N; 107°07', 1E.

HL12. 20°51', 7 N; 107°06', 6 E.

HL15. 20°51', 8 N; 107°06', 2 E.

Điều 4.

1. Cảng vụ Hải Phòng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan đến mọi hoạt động hàng hải trong vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng.

2. Cảng vụ Hải Phòng, căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió và mớn nước của tàu thuyền, điều động phương tiện đến các vị trí quy định tại Điều 3 Quyết định này để thực hiện neo đậu, chuyển tải, tránh bão, làm hàng và các dịch vụ hàng hải khác, đảm bảo an toàn hàng hải và vệ sinh môi trường.

3. Cảng vụ Hải Phòng chỉ cho phép các tàu vận chuyển xăng dầu và chở khí hóa lỏng được neo đậu, chuyển tải tại các vị trí theo quy định của Quyết định này sau khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo đảm an toàn hàng hải, phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và phương án phòng chống cháy nổ.

4. Trong trường hợp tàu đến cảng thuộc địa phận thành phố Hải Phòng nhưng phải neo đậu, chuyển tải, tránh bão tại các vị trí quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này, Cảng vụ Hải Phòng có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Yêu cầu giám đốc Cảng vụ Quảng Ninh ưu tiên giành vị trí để điều động tàu đến neo đậu, chuyển tải, tránh bão.

b) Thông báo cho Cảng vụ Quảng Ninh biết chậm nhất trước 02 giờ khi tàu đến ranh giới vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh.

c) Thực hiện mọi thủ tục pháp lý cho tàu vào, ra các vị trí quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Ngoài phạm vi vùng nước quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này, Cảng vụ Hải Phòng có trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành về trật tự, an toàn hàng hải

trong vùng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 934/QĐ-PCVT ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng Hải Phòng và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ Hải Phòng và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 7. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông công chính Hải Phòng, Giám đốc Cảng vụ Hải Phòng, Giám đốc Cảng vụ Quảng Ninh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ giao thông
Vận tải
Thủ trưởng

PHẠM THẾ MINH

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải số 1040/2003/
QĐ-BGTVT ngày 15/4/2003 bổ sung
Quy chế quản lý sát hạch cấp Giấy
phép lái xe cơ giới đường bộ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 4352/2001/
QĐ-BGTVT ngày 18/12/2001 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải).

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994

của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, chức năng quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ pháp chế - vận tải, Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ - lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung khoản 5 Điều 5: Nếu Giấy phép lái xe bị đánh dấu 2 lần vi phạm thì người lái xe phải thi lại Luật Giao thông đường bộ. Khi đổi giấy phép lái xe, nếu bị đánh dấu 3 lần vi phạm thì sau 12 tháng kể từ ngày bị bấm lỗ lần thứ 3 người vi phạm mới được sát hạch để cấp lại Giấy phép lái xe.

- Bổ sung khoản 2 Điều 13: Cán bộ Cảnh sát Giao thông là Phó chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe (thay thế Quyết định số 4193/2002/QĐ-BGTVT ngày 13/12/2002 của Bộ GTVT).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - lao động, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - vận tải, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông
Vận tải
Thủ trưởng

TRẦN DOÃN THỌ